Bảng miêu tả thiết kế

Tên gọi – Định nghĩa

**Storage - Kho chứa** : Kho chứa hồ sơ, bao gồm các thông tin liên quan đến vị trí của kho

**Range – dãy chứa**: 1 kho có nhiều dãy chứa, các dãy chứa sẽ được bố trí trong không gian kho chứa. Có 1 số dãy chứa sẽ áp tường nên sẽ chỉ có 1 mặt được chứa hồ sơ, các dãy còn lại sẽ có 2 mặt, phân biệt theo trái – phải (Left – right). Các dãy được đặt tên bằng các ký tự chữ cái A, B, C ….

**Contain – ô chứa**: 1 dãy chứa sẽ có nhiều ô chứa, ô chứa sẽ được xác định bằng cột và dòng (mỗi cột được chia thành nhiều tầng, 1 mặt của 1 dãy sẽ có nhiều ô chứa)

**Floor - tầng chứa** : Tầng chứa trong 1 ô chứa, mỗi ô chứa sẽ được chia làm 3 tầng và 5 cột khác nhau, được đánh dấu từ trái sang phải theo thứ tự 1 đến 5.

**Customer – khách hàng** : Khách hàng là các công ty hợp tác, sẽ lưu trữ thông tin công ty cơ bản và người chịu trách nhiệm liên hệ trực tiếp (Tên – điện thoại – email)

**Customer-dossier – hồ sơ khách hàng** : bảng chứa thông tin hồ sơ khách hàng bao gồm các thông tin chủ yếu phục vụ cho việc truy xuất như thời gian tạo, cập nhật, trạng thái, thuộc khách hàng nào,…

**Dossier- track – Lịch sử truy cập** : Mỗi khách hàng khởi tạo lưu trữ hồ sơ đều được ghi chép lịch sử xuất nhập, cập nhật thông tin của mỗi thùng hồ sơ.

**Pirce - phí dịch vụ** : Chi phí dịch vụ cho từng khách hàng bao gồm các thông tin: phí lưu trữ hàng tháng của từng khách hàng riêng, phí phát sinh thùng mới, ô chứa mới, phí vận chuyển thường và gấp, phí hủy hồ sơ.

**Dependence-price – bảng giá theo dõi** : bảng theo dõi chi phí dịch vụ cho theo từng khách hàng và thời điểm cập nhật giá cả (Tính năng hỗ trợ, không có trong hợp đồng, có thể làm nhưng disable và đợi yêu cầu thêm chi phí phát sinh trong hợp đồng nếu cần)

**Storage\_distribute – phân chia kho lưu trữ** : Chứa thông tin lưu trữ của các thùng hồ sơ tại các kho khác nhau trong trường hợp mở rộng

**Expense\_track – Bảng theo dõi phát sinh:** Theo dõi phát sinh tương ứng cho mỗi khách hàng trong thời gian nhất định, làm cơ sở thống kê cuối tháng.

Bảng vẻ DB:

E:\My Dropbox\ES-Websoft\ITS\t.emf

Bảng vẻ kho chứa

Dãy số II

**Các dãy ô chứa**

**VD: tên dãy là B và nằm bên Phải (L)**

S

x

W

E

N

Ví trí của X là: BL2N32

Giải mã:

* B: Tên dãy
* L: Hướng của dãy, nếu là dãy áp sát tường thì sẽ tùy vào hướng áp và chỉ có duy nhất 1 hướng đối với dãy đó.
* 2: Nằm tại cột thứ 2 của dãy, được đánh dấu bắt đầu canh theo hướng cửa ra vào
* N: Mã tầng trong 1 ô chứa lơn.
* 3: Mã cột trong 1 ô chứa.
* 2: Mã cột trong 1 ô chứa.